

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2025/HS-ST
Ngày 28 - 8 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Hải

Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Số 1 đường P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2025/TLST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

Bùi Thị Thanh T, sinh ngày 24 tháng 11 năm 1981, nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: B T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là B T, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi ở hiện tại: E T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số E T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Tạp vụ; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H (đã chết) và bà Hà Thị C (đã chết); chồng Tăng Thùy H1, sinh năm: 1980; có 02 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 25/01/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty TNHH T4

Trụ sở: Số B L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là số B L, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Zhao Yan S, trú tại: B L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH T4 (Văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 4 năm 2025) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người phiên dịch: Bà Lương Tú T1, trú tại: 2 T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 40 phút ngày 15/01/2025, Bùi Thị Thanh T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Click, biển kiểm soát 59M1-781.36, mang theo một ba lô màu đen bên trong chứa hóa chất tẩy rửa vệ sinh đến Công ty TNHH T5 (địa chỉ: số B, đường L, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) để thực hiện công việc vệ sinh theo giờ. Sau khi đến nơi, T gửi xe tại bãi xe của công ty, rồi đi vào tầng trệt lấy dụng cụ làm vệ sinh và một bao nilon màu đen dùng để đựng rác, sau đó lên tầng 01 lấy thêm xô nhựa và cây lau nhà rồi mang xuống tầng trệt vệ sinh. Lúc này tại công ty có bà Lê Thị Q và bà Đặng Mỹ Q1 đang làm việc, còn ông Zhao Yan S – Giám đốc công ty không có mặt.

Khi dọn dẹp xong tầng trệt, T lên tầng 01 thì thấy cửa phòng làm việc của ông Zhao Yan S không khóa, đang khép hờ. T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên lén lút vào trong phòng, mở tủ gỗ thấy có 01 hộp sắt màu đỏ, kích thước khoảng 30 x 25 x 10 cm, có quai cầm, được khóa bằng ổ khóa số. Nghĩ rằng bên trong có tài sản, T liền lấy hộp sắt này, bỏ vào bao nilon màu đen để ngoài hành lang rồi quay lại tiếp tục công việc vệ sinh nhằm tránh bị phát hiện. Trong lúc này, bà Q đi ngang và hỏi T có mở cửa phòng ông Zhao Yan S hay không. T phủ nhận, giả vờ hỏi phòng đó của ai. Khi bà Q nói là phòng của ông Zhao Yan S và yêu cầu T vệ sinh trong phòng, T viện cớ chỉ làm nếu có ông Zhao Yan S có mặt. Sau đó, bà Q yêu cầu T đóng cửa phòng lại. Hoàn tất việc vệ sinh các phòng khác tại tầng 01 và tầng 02, T gom toàn bộ rác bỏ vào bao nilon màu đen, rồi mang bao nilon đựng hộp sắt đỏ xuống tầng trệt, để cùng chỗ với các bao rác khác. Sau khi hoàn thành công việc, T lấy bao nilon đựng hộp sắt đỏ để lên xe máy, báo với bà Q để nhận tiền công, rồi điều khiển xe về nhà mẹ ruột tại ấp B, xã V, huyện B. Về đến nhà, T dùng búa đập phá ổ khóa hộp sắt, phát hiện bên trong có 03 cọc tiền mệnh giá 100.000 đồng, 200.000 đồng và 500.000 đồng, cùng một bộ hồ sơ bằng tiếng Trung Quốc. T giữ số tiền, còn hộp sắt, hồ sơ và cây búa thì ném vào thùng rác gần nhà. Sau đó, khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, T mang 50.000.000 đồng trộm được đến nhà bà Nguyễn Thị Đ để chuộc lại giấy tờ nhà và sổ hộ khẩu đã cầm cố trước đó. Đến khoảng 18 giờ 30 phút, T tiếp tục mang 61.400.000 đồng đến trụ ATM của Ngân hàng T6 tại địa chỉ A L, phường S, quận T nạp vào tài khoản số 03256127101 đứng tên T, chia làm 02 lần: lần thứ nhất nạp 41.400.000 đồng, lần thứ hai nạp 20.000.000 đồng. Số tiền còn lại 4.500.000 đồng, T sử dụng vào chi tiêu cá nhân.

Đến khoảng 09 giờ ngày 17/01/2025, khi ông Zhao Yan S mở hộp sắt đỏ để lấy tiền thì phát hiện toàn bộ số tiền 115.900.000 đồng đã bị mất. Ngoài ra, ông còn phát hiện mất thêm 5.000 Nhân dân tệ trong ngăn hộp nhỏ của tủ quần áo tại phòng ngủ. Sau đó, ông Zhao Yan S đến Công an P, quận T trình báo sự việc.

Quá trình điều tra, bị cáo Bùi Thị Thanh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, thừa nhận chỉ chiếm đoạt số tiền 115.900.000 đồng trong hộp sắt màu đỏ, không chiếm đoạt số tiền 5.000 Nhân dân tệ của ông Zhao Yan S.

Về vật chứng của vụ án:

- 01 (một) áo khoác tay dài, có nón trùm đầu màu xanh da trời và 01 (một) quần thun dài sọc đen trắng;

- 01 (một) xe máy hiệu Honda Click, biển số 59M1 – 781.36, số khung: Y-022971, số máy: JF18E-0099458;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12, dung lượng 64 GB, màu xanh, IMEI 1: 350197041210485, IMEI 2: 35019704121048, sim 0327521453.

Theo Kết luận định giá tài sản số 59/KL-HĐĐGTS ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, xác định: 01 (một) kết sắt cầm tay bằng kim loại, không rõ nhãn hiệu, kích thước 30 cm x 24 cm x 9 cm, tình trạng đã qua sử dụng có giá trị 367.000đ (ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà Bùi Thị Thanh T chiếm đoạt gồm: số tiền 115.900.000 đồng và 01 kết sắt cầm tay bằng kim loại trị giá 367.000 đồng, có tổng cộng là 116.267.000đ (một trăm mười sáu triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Bản Cáo trạng số 20/CTr-VKS-KV4 ngày 21 tháng 7 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Bùi Thị Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, sau khi phân tích, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đồng thời xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Thị Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38 và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Thị Thanh T mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo trình bày lời bào chữa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu; bị cáo không có ý kiến bào chữa và không tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái của mình, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét, chiếu cố áp dụng mức hình phạt nhẹ để bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu

nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Zhao Yan S là người đại diện theo ủy quyền của bị hại Công ty TNHH T5, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Quá trình điều tra, Cơ quan tiến hành tố tụng đã ghi nhận đầy đủ lời khai của ông Zhao Yan S với tư cách đại diện hợp pháp của bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của ông Zhao Yan S không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại vẫn được bảo đảm. Do đó, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Zhao Yan S.

[3] Lời khai của bị cáo Bùi Thị Thanh T tại phiên tòa thống nhất với lời khai trong giai đoạn điều tra, đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như lời khai của bị hại là Công ty TNHH T4, lời khai của bà Nguyễn Thị Đ, phù hợp với kết quả sao kê tài khoản ngân hàng, cùng các vật chứng thu giữ trong vụ án, từ đó đã đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 15/01/2025, bị cáo Bùi Thị Thanh T đã lợi dụng tính chất công việc làm vệ sinh theo giờ tại Công ty TNHH T4 (địa chỉ: số B, đường L, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh), lén lút đột nhập vào phòng làm việc của ông Zhao Yan S – Tổng Giám đốc Công ty, thực hiện hành vi chiếm đoạt một kết sắt bên trong có số tiền 115.900.000 đồng là tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH T4. Theo Kết luận định giá tài sản, chiếc kết sắt bằng kim loại có giá trị 367.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của Công ty TNHH T4 là 116.267.000đ (một trăm mười sáu triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Đối với lời khai của ông Zhao Yan S về việc ngoài số tiền 115.900.000 đồng của Công ty TNHH T4 còn bị mất thêm 5.000 Nhân dân tệ, Hội đồng xét xử xét thấy: ngoài lời khai này không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh, bị cáo cũng không thừa nhận. Do đó, không có căn cứ để xác định bị cáo đã thực hiện hành vi này.

Như vậy, chỉ có cơ sở xác định bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH T4 với tổng giá trị 116.267.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, việc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất – kinh doanh bình thường của doanh nghiệp, đồng thời tác động tiêu cực đến tình hình trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, nhưng vì động cơ tư lợi, mong muốn chiếm đoạt tài sản mà không phải lao động chính đáng, bị cáo đã bất chấp quy định pháp luật, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp. Điều này thể hiện sự coi thường pháp luật, coi nhẹ quyền sở hữu của người khác. Với tính chất, mức độ nguy hiểm như trên, cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian nhất định nhằm giáo dục, cải

tạo bị cáo trở thành công dân có ích; đồng thời bảo đảm tác dụng răn đe, phòng ngừa chung và giữ gìn kỷ cương pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Sau khi xem xét hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, cũng như đối chiếu với các quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo không có tình tiết nào thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, xác định bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn, hối cải; đồng thời, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả về tài sản cho bị hại thay cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), cần được xem xét khi lượng hình cho bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Như vậy, về nguyên tắc, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, cho thấy bị cáo chỉ làm công việc lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng, hoàn cảnh điều kiện kinh tế gia đình khó khăn. Trong điều kiện đó, việc áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền không bảo đảm tính khả thi, cũng không cần thiết cho mục đích giáo dục và phòng ngừa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[8] Về các biện pháp tư pháp:

[8.1] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là Công ty TNHH T4 đã nhận lại đầy đủ số tiền 115.900.000 đồng bị chiếm đoạt. Đối với 01 két sắt cầm tay bằng kim loại trị giá 367.000 đồng, Công ty không yêu cầu bị cáo bồi thường. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bị hại, phù hợp với quy định pháp luật và có lợi cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không buộc bị cáo bồi thường khoản giá trị này. Như vậy, giữa bị hại và bị cáo không còn yêu cầu hay tranh chấp dân sự nào khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm về trách nhiệm dân sự trong vụ án.

[8.2] Cơ quan Công an đã thu giữ 01 (một) áo khoác tay dài có nón trùm đầu màu xanh da trời và 01 (một) quần thun dài sọc đen trắng là trang phục bị cáo Bùi Thị Thanh T mặc khi thực hiện hành vi phạm tội. Đây không phải là vật chứng của vụ án, không còn giá trị sử dụng; bị cáo cũng không có yêu cầu nhận lại. Do đó, cần áp dụng biện pháp tịch thu, tiêu hủy theo quy định pháp luật.

[8.3] Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Click, biển kiểm soát 59M1-781.36, số khung Y-022971, số máy JF18E-0099458: Kết quả điều tra xác định, xe đứng tên ông Nguyễn Văn D theo Giấy chứng nhận đăng ký. Ngày 13/02/2019, ông D đã chuyển nhượng xe cho anh T2 Thành Trung theo Hợp đồng mua bán xe số công chứng 002340 lập tại Văn phòng C1, nhưng anh T3 chưa làm thủ tục sang tên theo quy định. Đến năm 2023, anh T3 đem xe cầm cố cho ông Phạm Văn H2; do không chuộc lại nên ông H2 đã bán cho bị cáo Bùi Thị Thanh T với giá 7.000.000 đồng. Từ các tài liệu, chứng cứ thu thập được, có đủ cơ sở xác định chiếc xe mô tô Honda

Click, biển số 59M1-781.36 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo Bùi Thị Thanh T. Đây là phương tiện mà bị cáo đã sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, cần áp dụng biện pháp tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

[8.4] Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12, dung lượng 64 GB, màu xanh, IMEI 1: 350197041210485, IMEI 2: 35019704121048, kèm theo sim số 0327521453, xác định là tài sản hợp pháp của bị cáo Bùi Thị Thanh T, không liên quan và không phải là vật chứng của vụ án. Do đó, cần trả lại cho bị cáo.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị này có căn cứ, phù hợp với các tình tiết, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[10] Theo kết quả điều tra, bị cáo Bùi Thị Thanh T đã sử dụng số tiền 50.000.000 đồng do phạm tội mà có để trả cho bà Nguyễn Thị Đ nhằm chuộc lại giấy tờ nhà và sổ hộ khẩu mà trước đó bị cáo đã cầm cố. Tuy nhiên, tại thời điểm nhận tiền, bà Đ không biết nguồn gốc số tiền này là do phạm tội mà có, nên việc bà nhận số tiền trên là ngay tình, không có dấu hiệu đồng phạm hay chứa chấp tội phạm. Sau khi được cơ quan tiến hành tố tụng thông báo, bà Đ đã tự nguyện giao nộp lại toàn bộ số tiền 50.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra. Như vậy, có căn cứ khẳng định bà Nguyễn Thị Đ hoàn toàn không có dấu hiệu tội phạm, hành vi của bà không cấu thành bất kỳ tội danh nào theo quy định của Bộ luật Hình sự.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng.

[12] Bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm a khoản 1 Điều 47 và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 292; Điều 329 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt bị cáo Bùi Thị Thanh T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/01/2025.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Bùi Thị Thanh T trong thời hạn 45 ngày để bảo đảm thi hành án, theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Bùi Thị Thanh T.

3. Về biện pháp tư pháp:

3.1. Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) áo khoác tay dài, có nón trùm đầu màu xanh da trời và 01 (một) quần thun dài sọc đen trắng.

3.2. Trả lại cho bị cáo Bùi Thị Thanh T 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12, dung lượng 64 GB, màu xanh, IMEI 1: 350197041210485, IMEI 2: 35019704121048, kèm theo sim số 0327521453.

3.3. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Click, biển kiểm soát 59M1-781.36, số khung: Y-022971, số máy: JF18E-0099458.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 139/PNK ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Công an Thành phố H).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Bùi Thị Thanh T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TPHCM;
- VKSND khu vực 4 - TPHCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa – Phân trại tạm giam khu vực Tân Phú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Chính